

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ KON TUM  
TỈNH KON TUM**

Số: 19/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Kon Tum, ngày 05 tháng 02 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 509/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Xin Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, giữa nguyên đơn chị Lê Thị T. Địa chỉ: Thôn 2, xã H, thành phố K, tỉnh Kon Tum với bị đơn anh Dương Văn T1. Địa chỉ: Số nhà 54, đường H, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Lê Thị T với bị đơn anh Dương Văn T1;

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T với bị đơn anh Dương Văn T1 thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Dương Hoàng H, sinh ngày 13/3/2010 và Dương Ngọc H2, sinh ngày 23/4/2020 cho chị T trực tiếp trông nom nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu H, H2 đủ 18 tuổi. Anh Dương Văn T1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng/tháng/1 cháu, kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Dương Văn T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc tranh nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật mà bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Lãi suất do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản, nợ nần: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Thuận tình ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) các đương sự phải chịu, chị Lê Thị T nhận chịu. Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ của Tòa án là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) anh Dương Văn T1 phải chịu, chị T nhận chịu. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị Lê Thị T phải chịu là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Lê Thị T đã nộp theo biên lai số: 0003983 ngày 18/01/2021 của chi cục thi hành án dân sự Thành phố K, tỉnh Kon Tum. Chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố K;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN  
(ĐÃ KÝ)**

***Vũ Thị Hồng Dung***